TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST
Ngày: 18-9-2018.
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Phú
2. Bà Trần Thị Xuân Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST-KDTM ngày 09 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-KDTM, ngày 09 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T. Địa chỉ: Đường P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phan Văn V, sinh năm 1980, chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Đường P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ điện công nghiệp và tự động hóa Đ. Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Trần Đình C, sinh năm 1984, chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
- Nguyễn Đoàn Lãm T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Đường N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2018 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T trình bày:

Năm 2011 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn T và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ điện công nghiệp và tự động hóa Đ có quan hệ mua bán hàng hóa (gạch xây dựng) với nhau. Ngày 08/5/2013, hai bên đã tiến hành xác nhận công nợ, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ điện công nghiệp và tự động hóa Đ còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn T số tiền 71.742.200đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần đòi nợ nhưng bị đơn không trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ điện công nghiệp và tự động hóa Đ - người đại diện theo pháp luật ông Trần Đình C phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền 71.742.200đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn nộp kèm theo các tài liệu chứng cứ: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty trách nhiệm hữu hạn T; Biên bản xác nhận công nợ tháng 5/2011 lập ngày 23/6/2011; Biên bản xác nhận công nợ tháng 5/2012 lập ngày 31/5/2012; Biên bản xác nhận nợ lập ngày 08/5/2013, một số hóa đơn giá trị gia tăng thể hiện việc mua bán gạch; Thông báo đòi nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn T ngày 01/3/2018.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho phía bị đơn. Trong thời hạn luật định bị đơn không có bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án đồng thời vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương Ủy ban nhân dân xã L cho biết: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ điện công nghiệp và tự động hóa Đ hoạt động từ năm 2009 và có trụ sở đóng tại thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do Công ty làm ăn thua lỗ nên hiện đã đóng cửa, giám đốc Công ty là ông Trần Đình C đã bỏ đi khỏi địa phương. Tòa án đã trực tiếp đến trụ sở Công ty và nhà bố mẹ của ông Trần Đình C để tống đạt văn bản tố tụng cho ông C nhưng việc tống đạt trực tiếp không thực hiện được. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án nên không lấy được lời khai bị đơn, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 31/8/2018, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định mở lại phiên tòa ngày 18/9/2018, đồng thời tiến hành niêm yết công khai quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập bị đơn nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn cản trở tố tụng nên ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 50, 317 Luật thương mại; Điều 430, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ điện công nghiệp và tự động hóa Đ phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T số tiền 71.742.200đồng. Về lãi suất phía nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu 3.587.000đ án phí. Trả lại cho nguyên đơn 1.793.500đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có đăng ký trụ sở kinh doanh tại xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 45, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Theo văn bản số 164/ĐKKD-CV ngày 11/7/2018 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế thì Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ điện công nghiệp và tự động hóa Đ có đăng ký kinh doanh. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Trần Đình C tuy không có mặt tại địa phương nhưng giữa nguyên đơn và ông Trần Đình C đã có biên bản xác nhận công nợ, có địa chỉ cụ thể của bị đơn nên Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết công khai các thủ tục tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù giữa nguyên đơn, bị đơn không ký hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản xác nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp, có cơ sở khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ mua bán hàng hóa (gạch Tuynel) với nhau từ năm 2011.

Căn cứ biên bản xác nhận nợ lập ngày 08/5/2013 thì Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ điện công nghiệp và tự động hóa Đ còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn T số tiền 71.742.200đồng. Do công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ điện công nghiệp và tự động hóa Đ không thanh toán số tiền còn nợ nên

Công ty trách nhiệm hữu hạn T khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ điện công nghiệp và tự động hóa Đ phải trả số tiền 71.742.200đồng là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi đối với số tiền nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 317 Luật thương mại;

- Căn cứ Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ điện công nghiệp và tự động hóa Đ phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T số tiền 71.742.200đồng (Bảy mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả tiền như bản án đã tuyên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ điện công nghiệp và tự động hóa Đ phải chịu 3.587.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.793.500đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001731 ngày 09/5/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sang